

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh của Công nhân, khu vực văn phòng.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước mặt và nước thải trong khu vực.

- Vị trí xả nước thải:

+ Mương thoát nước mặt và nước thải trong khu vực.

+ Toạ độ vị trí xả nước thải: X(m): 2297021; Y(m): 574661 (hệ toạ độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) tương ứng toạ độ X(m): 2296648; Y(m): 626692 (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ ).

1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (24 giờ).

#### 1.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy theo đường ống HDPE D110 dài 20m dẫn vào mương thoát nước mặt và nước thải trong khu vực.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

1.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24h.

1.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt - mức B, giá trị  $C_{\max}$  với hệ số  $K = 1,0$  và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp - mức B, giá trị  $C_{\max}$  với  $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ , cụ thể như sau:

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	
			QCVN 40:2011/BTNMT mức B, $C_{\max}$ với $K_q=0,9$ ; $K_f=1,2$	QCVN 14:2008/BTNMT mức B, $C_{\max}$ với $K=1,0$
1	pH	-	5,5 ÷ 9	-
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	54	-

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	
			QCVN 40:2011/BTNMT mức B, Cmax với $K_q=0,9; K_f=1,2$	QCVN 14:2008/BTNMT mức B, Cmax với $K=1,0$
3	COD	mg/l	162	-
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108	-
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	-
6	Tổng Nitơ	mg/l	43,2	-
7	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/l	6,48	-
8	Cadimi	mg/l	0,108	-
9	Chì	mg/l	0,54	-
10	Kẽm	mg/l	3,24	-
11	Sắt	mg/l	5,4	-
12	Asen	mg/l	0,108	-
13	Đồng	mg/l	2,16	-
14	Mangan	mg/l	1,08	-
15	Coliform	MPN/100mL	5.000	
16	Tổng chất rắn hoàn tan (TSS)	mg/l	-	1.000
17	Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) (tính theo N)	mg/l	-	50
18	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	-	20
19	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	10
20	Photphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	-	10

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được đưa trực tiếp xuống bể tự hoại 3 ngăn (*bể tự hoại 3 ngăn được xây ngầm dưới nhà vệ sinh*). Nước thải từ các bể tự hoại 3 ngăn được dẫn bằng hệ thống ống nhựa HDPE D160, dài 210m, độ dốc  $i = 3\%$  tự chảy tự chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải chung (đề bơm về bể điều hòa).

- Nước sau khi được xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo đường ống HDPE D110 dài 20m đầu nối vào mương tiếp nhận của khu vực tại 1 điểm xả. Tọa độ điểm xả (Theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m): 2297021; Y(m): 574661 (tương ứng tọa độ: X(m): 2296648; Y(m): 626692, theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $6^{\circ}$ )

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### a) Công trình xử lý sơ bộ

Công ty xây dựng 3 bể tự hoại ngầm tương ứng với 3 vị trí nhà vệ sinh với thể tích cụ thể như sau:

+ Bể phốt nhà vệ sinh văn phòng  $V = 10\text{m}^3$ ;

+ Bể phốt nhà vệ sinh công nhân số 1  $V = 15\text{m}^3$ ; Bể phốt khu nhà vệ sinh công nhân số 2  $V = 15\text{m}^3$ .

Bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng chìm bằng gạch, trát vữa xi măng chống thấm.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung.

Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất  $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

### b) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận là mương thoát nước mặt và nước thải trong khu vực.

- Công suất thiết kế hệ thống:  $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Các thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống:

TT	Hạng mục	Thể tích/Kích thước thực dụng	Kết cấu
<b>I</b>	<b>Cụm xử lý sơ bộ</b>		
1	Bể điều hòa (TK - 02)	$68,7\text{m}^3$ (6,56m x 2,2m x 4,76m)	Bể được xây gạch, móng đáy bê tông cốt thép, trát vữa xi măng chống thấm
2	Bể lắng (TK - 05)	$16,875\text{m}^3$ (2,5m x 2,5m x 2,7m)	
3	Bể chứa bùn (TK - 08)	$2,85\text{m}^3$ (0,88m x 1,2m x 2,7m)	
4	Bể khử trùng (TK - 07)	$2,59\text{m}^3$ (0,8m x 1,2m x 2,7m)	

TT	Hạng mục	Thể tích/Kích thước thực dụng	Kết cấu
5	Ngăn tách bùn (TK – 06)	1,944 m <sup>3</sup> (0,6mx 1,2m x 2,7m)	
<b>II</b>	<b>Hệ thống xử lý hợp khối</b>		
1	Ngăn bể thiếu khí (TK – 03)	D = 2,6m; L = 4,8m	Thiết bị hợp khối, có sơn chống thấm và chống rò rỉ
2	Ngăn bể hiếu khí (TK – 04)	D = 2,6m; L = 5,8m	

- **Hoá chất, vật liệu sử dụng:** Javen để khử trùng nước thải, định lượng 1g/m<sup>3</sup> nước thải tương đương 40g/ngày.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

### 1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

Để phòng chống rủi ro dẫn đến hệ thống xử lý nước thải phải dừng hoạt động, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn;
- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống (03 người) đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ nhật ký vận hành các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 02 bơm lưu lượng 5-8m<sup>3</sup>/h, H=6-8m,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc;
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại bể điều hòa (V = 68,7m<sup>3</sup>), có thể lưu giữ nước thải được đến 48h. Sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ được bơm vận hành trở lại quy trình xử lý. Trong trường hợp thời gian sửa chữa lớn hơn, Công ty tiến hành thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đi xử lý theo quy định.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom nước thải độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.5. Đảm bảo việc thu gom toàn bộ nước thải phát sinh vào hệ thống xử lý để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường. Tuyệt đối không thải trực tiếp nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Khi hạ tầng của Cụm công nghiệp Cao Thắng hoàn thiện, hệ thống xử lý nước thải tập trung của cả cụm đưa vào vận hành, Công ty xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối của Cụm Công nghiệp và thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cả Cụm.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 2****ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND  
ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng 4B.
- Nguồn số 2: Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng 4C1.
- Nguồn số 3: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tọa độ X = 229022; Y = 574785.
- Nguồn số 2: Tọa độ X = 229078; Y = 574840.
- Nguồn số 3: Tọa độ X = 229028; Y = 574669.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- 1.1. Lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- 2.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt; kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- 2.3. Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại;
- 2.4. Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm.
- 2.5. Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- 2.6. Trồng cây xanh quanh khu vực Nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài Nhà máy.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại, định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND  
ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	12
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	24
3	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	105
4	Bao bì mềm thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	5
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	28
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	33
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	70
8	Pin thải	Rắn	16 01 12	5
9	Chất thải có chứa các tác nhân gây lây nhiễm (Chất thải y tế)	Rắn/lỏng	13 01 01	9
10	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	16
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>307</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi hỏng, vải vụn,	-	14.726



STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	lông, bông vụn, chỉ		
2	Giấy và bao bì carton (thùng carton hỏng rách, ống giấy quần cuộn vải, giấy tạo đường mẫu), bao bì carton	18 01 05	6.668
3	Bao bì nhựa mềm (nilon, nhựa)	18 01 06	1.200
4	Palet gỗ	18 01 07	6.200
5	Bùn từ bể phốt, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước mưa	12 06 13	10.000
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>38.794</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 5,7 tấn/năm.**

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

**2.1.1 Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí 10 thùng phi loại 50 lít/thùng bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

**2.1.2. Khu vực lưu chứa:**

- Khu vực kho lưu chứa diện tích 20m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu khung thép, tường bưng tôn, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn và hố thu gom để đặt chất thải nguy hại dạng lỏng; bố trí thiết bị PCCC (2 bình bột MF24, 1 bình MT3, có vật liệu hấp thụ (1 xô cát khô) và 1 xẻng để sử dụng trong trường hợp, rò rỉ, rơi vãi chất thải nguy hại dạng lỏng).

2.1.3. Chất thải nguy hại phải được thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

**2.2.1. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Đặt các thùng chứa để phân loại ngay tại khu vực sản xuất sau đó vận chuyển về kho chứa chất thải của nhà máy số lượng 10 thùng loại 100 lít/thùng.

- Đối với bùn từ bể phốt, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước mưa được bơm lên bồn chứa của đơn vị thu gom sau đó vận chuyển đi ngày, không lưu giữ trong nhà máy.

*2.2.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Diện tích kho chứa 50m<sup>2</sup>;  
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu khung thép, tường bung tôn, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm.

2.2.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

*2.3.1. Thiết bị lưu chứa:*

- Trang bị thùng chứa 10 thùng loại 20 lít/thùng đặt tại văn phòng, nhà ăn, nhà xưởng.

*2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt:*

- Diện tích 10m<sup>2</sup>.  
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu khung thép, tường bung tôn, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm.

2.3.3. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng

phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
2. Các sản phẩm tái chế nếu được lưu hành, đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, cho, tặng, tiếp thị thì phải thực hiện hợp chuẩn, hợp quy theo quy định và phải đáp ứng theo yêu cầu, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hoá chất.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Các hạng mục công trình của cơ sở chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, quy hoạch, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.
7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.